

Số: 181/BC-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả thực hiện quý I năm 2021, nhiệm vụ trọng tâm quý II năm 2021 của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

I. Kết quả thực hiện quý I năm 2021

1. Sản xuất nông nghiệp

a) Trồng trọt

Diện tích thu hoạch cây hàng năm vụ Đông Xuân 2020-2021 được 30.556,3 ha¹, tăng 20,8% so cùng kỳ. Sản lượng các loại cây trồng: Lúa 112.320 tấn, tăng 45,2% so cùng kỳ; Ngô 14.490,6 tấn, bằng cùng kỳ; Sắn 76.426,9 tấn, giảm 20,6% so cùng kỳ²; Rau đậu các loại 67.983,4 tấn, tăng 8,4% so cùng kỳ; Thuốc lá 287,6 tấn, tăng gấp 2,2 lần so cùng kỳ.

Diện tích cây ăn quả: Cây Nho 1.201 ha, sản lượng 9.048 tấn, tăng 1,5% so cùng kỳ; Táo 994 ha, sản lượng 9.341 tấn, tăng 3,4% so cùng kỳ; Điều 4.728 ha, sản lượng 728 tấn, tăng 18,8% so cùng kỳ.

* **Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng** được 557,2 ha/472,2 ha, vượt 17,9% KH³. Trong đó: Chuyển đổi trên đất lúa 376,95 ha, đất khác 180,25 ha.

* **Kết quả thực hiện mô hình sản xuất cánh đồng lớn:** Có 30 cánh đồng lớn/3.929,15 ha, trong đó: Triển khai mới 01 cánh đồng lúa với diện tích 25ha/100 ha tại huyện Ninh Sơn; tiếp tục duy trì và mở rộng liên kết 29 cánh đồng với diện tích 3.904,15 ha⁴.

* **Về tình hình lưu lượng nước tại các hồ chứa:** Tính đến ngày 12/3/2021, lượng nước tích được của 21 hồ chứa trên địa bàn tỉnh 112,06 triệu m³/194,49 triệu m³, đạt 57,6% dung tích thiết kế; lượng nước của hồ Đơn Dương 119,25 triệu m³/165 triệu m³, đạt 72,3% dung tích thiết kế, lưu lượng nước vào hồ 6,85 m³/s và đang xả với lưu lượng 19,28 m³/s.

* **Công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng:** Xảy ra rải rác trên một số diện tích nhỏ với các loại bệnh phổ biến (*Bọ trĩ, đạo ôn trên lúa; mốc sương,*

¹ Diện tích thu hoạch vụ Đông Xuân 30.556,3 ha, trong đó: Lúa 17.388,7 ha; Ngô 2.734,3 ha; sắn 4.271,4 ha; rau các loại 3.345,9 ha; đậu các loại 701,6 ha; cây hàng năm khác 1.631,7 ha ...

² Nguyên nhân: Sắn là cây lưu niên, trồng năm 2020 và thu hoạch năm 2021. Trong năm 2020, diện tích trồng sắn gặp hạn hán kéo dài dẫn đến giảm năng suất thu hoạch trong năm 2021

³ Diện tích thực hiện chuyển đổi 557,2 ha. Trong đó: Chuyển đổi trên đất lúa 376,95 ha (Cây ngắn ngày 376,95 ha; cây dài ngày 31 ha), chuyển đổi trên đất khác 180,25 ha (cây ngắn ngày 170 ha; cây dài ngày 10,25 ha). Cụ thể tại các huyện: Ninh Sơn 256 ha/200 ha, Ninh Phước 38,2 ha/37,7 ha, Ninh Hải 18 ha/10 ha, Bác Ái 140 ha/100 ha, Thuận Bắc 38 ha/35 ha, Thuận Nam 67 ha/90 ha.

⁴ Tiếp tục duy trì 29 cánh đồng lớn, trong đó: 24 cánh đồng lúa 3.709,23 ha; 02 cánh đồng măng tây 55 ha; 01 cánh đồng nho 29,92 ha; 01 cánh đồng hành tím 30 ha; 01 cánh đồng bắp giống 80 ha.

thán thư trên nho; ruồi đục trái, sâu đục trái trên táo; khảm lá trên cây sắn) xảy ra ở mức độ nhẹ - trung bình. Ngành đã tăng cường công tác kiểm tra, dự báo, tiếp tục phối hợp mạng lưới cộng tác viên trồng trọt và bảo vệ thực vật cơ sở theo dõi, nắm tình hình dịch hại và hướng dẫn nông dân biện pháp phòng trừ kịp thời.

b) Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc hiện có 447.761 con⁵, giảm 7,7% so cùng kỳ⁶; tổng đàn gia cầm hiện có 1.950,7 nghìn con, tăng 4,3% so cùng kỳ. Sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng ước đạt 8.684,1 tấn⁷, tăng 5,3% so cùng kỳ và trứng gia cầm 16.586 ngàn quả, tăng 6,1% so cùng kỳ. Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được kiểm soát chặt chẽ và không để xảy ra các ổ dịch bằng các giải pháp trọng tâm như: Tiêm phòng được 657.940 liều vắc xin các loại cho gia súc và gia cầm; sử dụng 2.753 lít Benkocid tiêu độc, khử trùng tại các địa phương; thực hiện kiểm dịch trên cạn 8.206.644 con⁸; kiểm soát giết mổ 31.728 con.

2. Sản xuất thủy sản

a) Khai thác thủy sản: Tình hình ngư trường từ Ninh Thuận đến Kiên Giang từ đầu tháng 2 đến nay liên tục xuất hiện các đàn cá nổi. Toàn tỉnh có khoảng 90% số lượng tàu cá tham gia hoạt động khai thác, trong đó đạt hiệu quả tập trung các nghề: Pha xúc, vây rút chì, lưới rê nylon, Ước sản lượng khai thác toàn tỉnh quý I đạt 21.152,59 tấn, tăng 5% so cùng kỳ. Trong quý đã thực hiện công tác đăng ký tàu cá được 2.223 chiếc từ 6 mét trở lên⁹; kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá 398 chiếc, tăng 10,25% so cùng kỳ; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tàu cá 267 chiếc¹⁰, tăng 23% so cùng kỳ; xét duyệt cải hoán tàu cá 18 trường hợp; xét duyệt mua tàu cá 02 trường hợp. Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt cho 24 tàu cá đủ điều kiện khai thác thủy sản, dịch vụ khai thác thủy sản trên các vùng biển xa (*22 tàu khai thác thủy sản, 02 tàu dịch vụ thủy sản*), nâng tổng số tàu cá của tỉnh đủ điều kiện tham gia khai thác thủy sản, dịch vụ khai thác thủy sản trên các vùng biển xa lên 741 tàu, tăng 9,1% so cùng kỳ (*693 tàu khai thác thủy sản, 48 tàu dịch vụ thủy sản*).

b) Nuôi trồng thủy sản

Tôm thương phẩm: Diện tích nuôi 103 ha, thu hoạch 700 tấn/50ha; **Ốc hương thương phẩm:** Diện tích thả nuôi 38 ha, ốc sinh trưởng và phát triển tốt, sản lượng thu tỉa ước đạt 230 tấn; **Tôm hùm thương phẩm:** Có 276 bè nổi/2.642 lồng nổi nuôi tôm Hùm, sinh trưởng và phát triển tốt, sản lượng thu hoạch ước đạt 14 tấn. **Cá nước mặn (trên đất liền):** Đối tượng nuôi chủ yếu là

⁵ Tổng đàn gia súc 447.761 con: Đàn trâu 4.000 con, tăng 0,45% so cùng kỳ; đàn bò 120.116 con, tăng 0,26% so cùng kỳ; đàn heo 93.190 con, tăng 2,5% so cùng kỳ; đàn dê, cừu 230.455 con, (dê 123.355 con, cừu 107.120 con), giảm 14,7% so cùng kỳ.

⁶ Nguyên nhân quy mô đàn dê cừu giảm do phục vụ Tết Nguyên đán Tân Sửu.

⁷ Sản lượng thịt gia súc, gia cầm 8.684,1 tấn: Thịt Trâu, bò 1.612,3 tấn; thịt heo 4.414 tấn; thịt dê, cừu 1.142,2 tấn; thịt gia cầm 1.515,6 tấn.

⁸ Trong đó: Kiểm dịch xuất tỉnh 262.823 con, kiểm dịch phúc kiểm 7.903.496 con, kiểm dịch nhập tỉnh 40.325 con.

⁹ Trong đó: Tàu từ 6m - <12m: 909 chiếc; tàu từ 12m - <15m: 539 chiếc; tàu từ 15m - <20m: 711 chiếc; tàu từ 20m - <24m: 43 chiếc; tàu từ 24m - <30m: 21 chiếc

¹⁰ Trong đó: Thăm định xếp loại 93 chiếc, thăm định định kỳ 174 chiếc.

cá Mú tại khu vực Tân Hải, Phương Hải và Hộ Hải với diện tích thả nuôi 5 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 4,0 tấn; **Nuôi lồng bè** : Đối tượng nuôi là cá Bớp, Mú, Chêm, Chim ... với 800 lồng/50 hộ tại khu vực Mỹ Tân , C1, C2, Cà Ná, sản lượng thu hoạch ước đạt 64 tấn; **Nuôi cá nước ngọt**: Diện tích thả nuôi 60ha tập trung tại các huyện miền núi (Thuận Bắc, Ninh Sơn...), đối tượng nuôi chủ yếu là cá chép, rô phi, trê, lóc sản lượng thu hoạch ước đạt 68,5 tấn; **Trồng rong sụn**: Diện tích 10ha tại Khánh Hội, Mỹ Hiệp (Ninh Hải) và Phước Dinh (Thuận Nam), rong đang sinh trưởng và phát triển tốt.

c) Sản xuất giống thủy sản:

- **Sản xuất tôm giống**: Trên địa bàn tỉnh có 450 cơ sở sản xuất tôm giống/140.000 m³. Sản lượng tôm giống sản xuất ước đạt 12.800 triệu con tôm Post, tăng 26,8% so cùng kỳ. Trong đó: Tôm sú giống 2.800 triệu Post, tôm thẻ giống 10.000 triệu Post.

- **Sản xuất giống thủy sản khác**: Toàn tỉnh có 40 cơ sở hoạt động sản xuất giống cá biển, ốc hương, sò lụa, hào, ... đang bước vào vụ sản xuất chính trong năm. Sản lượng sản xuất ước đạt 45 triệu con, tăng 12,5% so cùng kỳ.

d) Công tác phòng chống dịch bệnh trên động vật thủy sản: Triển khai Kế hoạch sản xuất, lịch thời vụ nuôi trồng thủy sản năm 2021 trên địa bàn toàn tỉnh; Tập trung công tác quản lý chất lượng giống thủy sản theo Thông tư 26/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám sát chuyển đổi mục đích sử dụng tôm bố mẹ hết thời gian sử dụng sinh sản 40 lô/16.737 con; Kiểm tra và cấp 23 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ương dưỡng giống thủy sản theo quy định; kịp thời quan trắc môi trường và cảnh báo dịch bệnh tại các vùng nuôi tập trung (12 mẫu giáp xác và 20 mẫu nước tại khu vực sản xuất giống thủy sản) để đưa ra các cảnh báo, khuyến cáo về tình hình dịch bệnh cũng như ô nhiễm môi trường phục vụ hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, đã giám sát 1.982 con tôm bố mẹ; kiểm dịch 15.000 con cá mú, 19.360.000 con ốc hương giống

3. Lâm nghiệp:

- Công tác bảo vệ rừng: Ngay từ đầu năm, lực lượng Kiểm lâm đã chủ động phối hợp với các chủ rừng, địa phương và các ngành chức năng tổ chức 36 đợt tuyên truyền với 1.468 lượt người tham gia, có 378 hộ ký cam kết không vi phạm quy định quản lý bảo vệ rừng; triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy theo phương án 2021; tổ chức kiểm tra, truy quét và tuần tra kiểm soát 557 đợt với hơn 2.994 lượt người tham gia tại các vùng giáp ranh, khu vực trọng điểm phá rừng và trên địa bàn quản lý. Qua đó đã phát hiện, ngăn chặn 98 vụ vi phạm¹¹ và đã xử lý 38 vụ vi phạm, tịch thu: 4,948 m³ gỗ tròn, 6,761 m³ gỗ xẻ, 0,33 m³ gỗ thuộc nhóm quý hiếm, 50 kg than hầm, 670 gốc cây, 02 ô tô, máy kéo, 23 xe máy; 04 phương tiện khác và thu ngân sách 204.360.000 đồng.

¹¹ Ngăn chặn 98 vụ vi phạm: phá rừng trái phép 26 vụ, khai thác rừng 14 vụ, vận chuyển buôn bán lâm sản trái phép 42 và vi phạm khác 16 vụ.

- Công tác phát triển rừng: Tiếp tục thực hiện chăm sóc diện tích rừng trồng phòng hộ, đặc dụng đang trong giai đoạn đầu tư 1.662,09 ha¹²; giao khoán bảo vệ rừng chuyên tiếp 2020 với diện tích 65.987,28 ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh 3.027 ha¹³. Thực hiện chính sách chi trả DVMTR và Quỹ BV&PTR: Phát sinh thu trong quý I là 1.720 triệu đồng/8.814 triệu đồng, đạt 19,5% KH.

4. Diêm nghiệp: Tính đến ngày 12/3/2021, tổng sản lượng muối sản xuất được 83.750 tấn¹⁴. Giá muối hiện tại: Muối diêm dân 300đ – 600đ/kg, muối công nghiệp 500đ – 700đ/kg.

5. Phát triển nông thôn và Chương trình xây dựng nông thôn mới:

a) Phát triển nông thôn

- Chương trình Bố trí dân cư: Tiếp tục triển khai thi công 06 gói thầu còn lại của dự án Bố trí dân cư vùng sạt lở ven biển Cà Ná. Đồng thời, tiếp tục phối hợp với huyện Thuận Nam tiến hành các thủ tục thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng giai đoạn 3 của dự án.

- Kinh tế hợp tác, đào tạo nghề: Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch hỗ trợ hợp tác xã tham gia mô hình thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc tại các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các địa phương đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2021; làm việc trực tiếp với các địa phương về rà soát, đề xuất các sản phẩm mới để xây dựng dự thảo kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP và sản phẩm đặc thù tỉnh Ninh Thuận năm 2021; ban hành Kế hoạch trung hạn đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025

b) Chương trình xây dựng nông thôn mới

Triển khai công tác xây dựng Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; báo cáo tiềm năng, thực trạng và định hướng phát triển du lịch nông thôn; báo cáo tình hình thực hiện Đề án “Xây dựng nông thôn mới trong quá trình Đô thị hóa” ở huyện Ninh Hải; tham mưu dự thảo Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU ngày 24/5/2011 của Tỉnh ủy; Phối hợp cùng các ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình OCOP năm 2021.

Phối hợp cùng UBND huyện Ninh Hải và các sở, ngành liên quan hoàn thiện hồ sơ để trình Hội đồng thẩm định trung ương thẩm định theo đề nghị của Đoàn công tác liên ngành trung ương. Đồng thời, đang kiểm tra hồ sơ xã Mỹ Sơn đạt chuẩn nông thôn mới và xã Phước Thuận đạt chuẩn nông thôn mới nâng

¹² Trong đó: Chăm sóc rừng trồng năm 2 là 1.069,62 ha; chăm sóc rừng trồng năm 3 là 315,9 ha; chăm sóc rừng trồng năm 4 là 276,57 ha.

¹³ Trong đó: Khoanh nuôi tái sinh tự nhiên 517 ha; khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung 2.510 ha

¹⁴ Trong đó: Muối công nghiệp 47.500 tấn, muối diêm dân 36.250 tấn.

cao; hồ sơ các thôn: Thành Tín, Từ Tâm 1 (xã Phước Hải) đạt chuẩn thôn nông thôn mới.

7. Công tác quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản: Tổ chức thẩm định xếp loại, đánh giá định kỳ 15 cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm, tăng 36,4% so cùng kỳ. kết quả có 05 cơ sở xếp loại A và 10 cơ sở xếp loại B; đã cấp 08 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; tổ chức ký cam kết cho 02 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản an toàn.

8. Công tác thanh tra; tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng

Thực hiện 01 cuộc thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về thực hiện nhiệm vụ và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Chi cục Chăn nuôi và Thú y; 04 cuộc thanh tra chuyên ngành (*Chi cục Thủy sản thực hiện 03 cuộc theo kế hoạch, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản thực hiện 01 cuộc đột xuất*) với 75 tổ chức, cá nhân, đã phát hiện 12 tổ chức, cá nhân vi phạm, xử phạt hành chính 24.950.000 đồng. Tổ chức 12 lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra với 720 người tham gia.

Qua triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống tham nhũng, trong quý I/2021 nhìn chung trong toàn ngành không có đơn vị, cá nhân để xảy ra tiêu cực, tham nhũng.

9. Vốn các dự án xây dựng cơ bản

Kế hoạch vốn năm 2021 giao tại Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh là **5.320 triệu đồng** (*không tính vốn nước ngoài đã đề nghị hủy 18.700 triệu đồng của Dự án JICA2*), cụ thể:

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh là 1.920 triệu đồng (Nhà cộng đồng phòng tránh thiên tai trường Mẫu giáo Công Hải, huyện Thuận Bắc 1.500 triệu đồng; Xây dựng nhà vòm bảo vệ và bể bơi cho học sinh phòng chống đuối nước Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, thành phố PRTC 420 triệu đồng). Hiện nguồn vốn này chưa bố trí.

- Nguồn vốn trong nước NSTW đối ứng Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Ninh Thuận (Dự án JICA2) là 3.400 triệu đồng đã giải ngân 94 triệu đồng (đạt 2,8%). Nguồn vốn này dự kiến triển khai thực hiện công việc còn lại của Dự án (như công tác bàn giao rừng, khóa sổ kế toán, kiểm toán, quyết toán năm và quyết toán dự án hoàn thành, xử lý tài sản dự án, hậu dự án, bàn giao thành quả Dự án và các công việc liên quan đến đóng Dự án ngày 31/3/2023,...) theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 117/BNN-TC ngày 07/01/2021.

- Riêng nguồn vốn nước ngoài NSTW 18.700 triệu đồng giao Dự án JICA2, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản số 193/SNNPTNT-KH ngày 21/01/2021 báo cáo UBND tỉnh **đề nghị hủy 18.700 triệu đồng**, lý do: để **giảm nợ vay, không sử dụng vốn kết dư Dự án JICA2** và

tập trung quyết toán dự án hoàn thành theo yêu cầu của Ban quản lý các dự án Lâm nghiệp tại Văn bản số 1977/DALN-JICA2 ngày 24/12/2020 và của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 117/BNN-TC ngày 07/01/2021 (UBND tỉnh đang giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu theo văn bản số 493/VPUB-KTTH ngày 18/02/2021).

10. Công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học kỹ thuật: Tiếp tục hướng dẫn hộ dân thực hiện các mô hình triển khai năm 2020¹⁵, triển khai các mô hình mới năm 2021 theo kế hoạch; tổ chức 14 lớp tập huấn kỹ thuật cho 391 lượt người về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi phục vụ chương trình chuyển đổi cây trồng; viết và đăng 08 bài trên trang web của Sở Nông nghiệp và PTNT và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia.

11. Công tác tham mưu, quản lý nhà nước khác

a) Công tác tham mưu các nhiệm vụ trọng tâm quý I/2021 tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 và Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 23/02/2021 của UBND tỉnh: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh 08 nhiệm vụ đúng hạn (*Nghị quyết kéo dài chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2017 – 2020; Đề án Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-TU/NQ năm 2021; Kế hoạch hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn năm 2021; Kế hoạch Chương trình phòng chống bệnh lở mồm long móng giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định giao chỉ tiêu duy trì và xây dựng mới các liên kết cánh đồng lớn năm 2021; Đã hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận huyện Ninh Hải đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020,....*)

b) Quản lý khai thác các công trình thủy lợi, công trình cấp nước: Phối hợp chặt chẽ với các địa phương duy trì thực hiện phương án điều tiết nước tưới cho sản xuất theo hướng tiết kiệm, hợp lý; tuyên truyền cho nhân dân tự giác bảo vệ và sử dụng nước tiết kiệm. Tăng cường quản lý, tổ chức vận hành có hiệu quả các hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn do ngành quản lý; tổ chức lắp đặt đồng hồ kéo nước vào nhà dân theo kế hoạch; thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước, đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định để cung cấp cho nhân dân sinh hoạt.

c) Công tác Quản lý đầu tư xây dựng: Tổ chức thực hiện kiểm tra giám sát chất lượng công trình, thường xuyên đôn đốc tiến độ thi công các dự án ngành làm chủ đầu tư đảm bảo tiến độ, sớm đưa vào khai thác.

II. Nhiệm vụ trọng tâm trong quý II năm 2021

1. Công tác tuyên truyền, xây dựng và triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của ngành

¹⁵ Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong chăn nuôi bò hướng thịt tại các xã khó khăn, dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận”; Dự án Xây dựng mô hình trồng và thâm canh cây ăn trái (bưởi da xanh, táo, măng cầu dai...) theo hướng VietGAP; Dự án Xây dựng mô hình cải tạo để nâng cao năng suất đàn bò thịt địa phương

- Tiếp tục tập trung cho công tác tuyên truyền: Luật và các văn bản dưới Luật về các lĩnh vực thủy lợi, thủy sản, trồng trọt, thú y và lâm nghiệp; tiếp tục vận hành hiệu quả mô hình "Mỗi cán bộ, công chức, viên chức là một truyền truyền viên" để tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương, định hướng xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại nông nghiệp gắn với ứng phó biến đổi khí hậu và phòng chống dịch bệnh.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện 04 Đề án động lực và các nhiệm vụ trọng tâm quý II được giao tại Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 và Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 23/02/2021 của UBND tỉnh.

2. Sản xuất nông nghiệp: Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu năm 2021 gắn với công tác chuyển đổi vụ Hè Thu và sản xuất cánh đồng lớn theo Kế hoạch của UBND tỉnh; dự báo, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thủy văn để điều chỉnh hợp lý kế hoạch cấp nước, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng; hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc cây trồng và phòng trừ dịch hại; triển khai thực hiện quyết liệt công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, an toàn vệ sinh thực phẩm, giám sát dịch bệnh gia súc, gia cầm tại các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh. Hạn chế mức thấp nhất về thiệt hại do sâu, rầy, dịch bệnh,... trên cây trồng và vật nuôi.

3. Sản xuất thủy sản: Triển khai kế hoạch khai thác vụ cá Nam 2021 (*Lễ ra quân, dự báo thông tin ngư trường, chỉ đạo sản xuất và hỗ trợ ngư dân khai thác*). Tiếp tục triển khai kế hoạch vận động, hướng dẫn và hỗ trợ ngư dân tham gia khai thác hải sản trên vùng biển xa theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg; chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không chấp hành theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2017 của Chính phủ; hoàn tất việc đánh dấu và lắp đặt thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá từ 15 mét trở lên.

- Chỉ đạo và hướng dẫn nuôi thủy sản theo các quy trình sản xuất tốt, quan trắc môi trường, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, phòng ngừa dịch bệnh tại các vùng nuôi, tiêu độc khử trùng các ao nuôi khi có bệnh xảy ra. Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản đảm bảo giống đạt chất lượng cao, sạch bệnh, cung cấp cho các vùng nuôi trong và ngoài tỉnh.

4. Lâm nghiệp: Tiếp tục thực hiện phương án phòng chống cháy rừng năm 2021; thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, tổ chức cảnh báo cháy rừng, ngăn ngừa các nguy cơ xảy ra cháy rừng; chuẩn bị và triển khai tốt lực lượng, phương tiện, vật chất trang thiết bị sẵn sàng cho công tác chữa cháy rừng để kịp thời dập tắt khi có xảy ra. Tổ chức kiểm tra, truy quét, ngăn chặn chống phá rừng; triển khai công tác chuẩn bị trồng rừng theo kế hoạch, chăm sóc rừng trồng đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật; tiếp tục nâng cao hiệu quả trong giao khoán bảo vệ rừng,... Thực hiện có hiệu quả Nghị định số 75/2015/NĐ-CP thông qua việc bảo vệ, phát triển, quản lý sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên và rừng sản xuất hiện có trên địa bàn tỉnh.

5. Thủy lợi, xây dựng cơ bản và các chương trình mục tiêu

- Tập trung rà soát, cân đối diện tích gieo trồng để xây dựng kế hoạch điều tiết nước sản xuất vụ Hè Thu 2021, nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp cho nhân dân. Chỉ đạo các đơn vị tập trung kiểm tra các công trình hồ đập, đê điều, cảng cá, bến cá và khu neo đậu tránh trú bão; chuẩn bị và triển khai tốt công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn vào đầu mùa mưa bão.

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình chuyển tiếp đang thi công sớm hoàn thành để đưa vào khai thác, sử dụng; đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ dự án, công trình đầu tư mới để sớm được khởi công theo kế hoạch vốn giao.

6. Công tác thanh kiểm tra, phòng chống tham nhũng: Tiếp tục tổ chức thanh tra, triển khai các cuộc thanh tra hành chính tại các đơn vị theo kế hoạch; thanh tra chuyên ngành (chú trọng tăng cường thanh tra đột xuất) trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân bón và giống cây trồng, lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, lĩnh vực thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và chế phẩm sinh học; tập huấn, tuyên truyền giáo dục pháp luật về thanh tra. Thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, phấn đấu không đơn vị, cá nhân trong toàn ngành để xảy ra tiêu cực, tham nhũng.

7. Công tác khác: Tập trung triển khai các nhiệm vụ kế hoạch, giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Trả lời và giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri theo chức năng thẩm quyền được UBND tỉnh chỉ đạo thông qua các đợt tiếp xúc cử tri của Đoàn Đại biểu Quốc Hội, HĐND tỉnh; tổ chức tiếp dân và tiếp nhận giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định.

8. Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh: Xem xét, phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương sớm hoàn tất các thủ tục để hủy kế hoạch vốn nước ngoài năm 2021 của Dự án JICA2 với số vốn hủy là 18.700 triệu đồng theo Văn bản số 493/VPUB-KTTH ngày 18/02/2021 của UBND tỉnh.

Trên đây là báo cáo về kết quả tình hình thực hiện quý I năm 2021, công tác chỉ đạo điều hành, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện quý II năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

(Đính kèm biểu số 01 và 02: Số liệu quý I/2021)

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở KHĐT, Cục Thống kê tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VP Sở: VT, KH.

GIÁM ĐỐC



Đặng Kim Cương

Biểu 01: TIỀN ĐỘ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN I/2021

A	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện quý I năm 2020	Kế hoạch quý I năm 2021	Thực hiện quý I năm 2021	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	B	C	1	2	3		5=3/2
I	TRỒNG TRỌT (D.tích cho thu hoạch)	Ha	25.289,9	30.837,5	30.556,3	120,8	99,1
1	Cây lương thực có hạt	Ha	14.355,6	20.075,0	20.123,0	140,2	100,2
1.1	Lúa vụ Đông Xuân						
	+ Diện tích gieo cấy	Ha	11.974,2	16.925,0	17.388,7	145,2	102,7
	+ Năng suất	tạ/ha	66,7	65,4	64,6	96,8	98,8
	+ Sản lượng	Tấn	79.828,0	110.702,5	112.320,0	140,7	101,5
1.2	Ngô vụ Đông Xuân						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.371,4	3.130,0	2.734,3	115,3	87,4
	+ Năng suất	tạ/ha	61,1	56,3	53,0	86,7	94,2
	+ Sản lượng	Tấn	14.497,9	17.611,9	14.490,6	99,9	82,3
1.3	Cây có hạt khác						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	10,0	20,0			
	+ Năng suất	tạ/ha		25,0			
	+ Sản lượng	Tấn		50,0			
2	Cây có củ	Ha	5.243,9	4.666,5	4.333,4	82,6	92,9
2.1	Sắn						
	+ Tổng diện tích gieo trồng	Ha	5.193,9	4.600,0	4.271,4	82,2	92,9
	+ Tổng diện tích thu hoạch		5.193,9	4.600,0	4.271,4	82,2	92,9
	+ Diện tích trồng mới	Ha	274,0	263,0	241,1	88,0	91,7
	+ Năng suất thu hoạch	Tạ/ha	185,4	196,0	178,9	96,5	91,3
	+ Sản lượng	Tấn	96.295,6	90.160,0	76.426,9	79,4	84,8
2.2	Khoai lang						
	+ Tổng Diện tích gieo trồng	Ha	49,5	66,5	61,6	124,4	92,6
	+ Năng suất	tạ/ha	143,0	120,6	147,2	103,0	122,0
	+ Sản lượng	Tấn	707,8	802,0	907,0	128,1	113,0
2.3	Khác						
	+ Tổng Diện tích gieo trồng	Ha	0,5		0,4		
	+ Năng suất	tạ/ha			71,6		
	+ Sản lượng	Tấn			2,7		
3	Cây thực phẩm	Ha	3.856,4	3.972,0	4.076,6	105,7	102,6
3.1	Rau các loại						
	Diện tích gieo trồng	Ha	3.024,5	3.025,0	3.345,9	110,6	110,6
	Năng suất	tạ/ha	205,2	178,7	201,5	98,2	112,7
	Sản lượng	Tấn	62.062,2	54.069,5	67.404,7	108,6	124,7
3.2	Đậu các loại						
	Diện tích gieo trồng	Ha	803,7	910,0	701,6	87,3	77,1
	Năng suất	tạ/ha	8,3	7,6	8,2	99,4	108,4
	Sản lượng	Tấn	669,3	692,5	578,7	86,5	83,6
3.3	Hoa, cây cảnh						
	Diện tích gieo trồng	Ha	28,2	37,0	29,1	103,2	78,6
4	Cây công nghiệp hàng năm	Ha	318,4	333,0	391,6	123,0	117,6
4.1	Lạc vụ Đông Xuân						
	+ Tổng Diện tích gieo trồng	Ha	250,4	293,0	268,4	107,2	91,6
	+ Năng suất	tạ/ha	17,7	17,0	17,0	95,9	100,0
	+ Sản lượng	Tấn	443,2	497,2	455,4	102,8	91,6
4.2	Mía						
	+ Diện tích trồng mới	Ha	54,7		31,4	57,4	
	+ Diện tích lưu gốc	Ha	2.346,9		2.148,8	91,6	
	+ Diện tích thu hoạch	Ha					
4.3	Vùng						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	15,0		0,0		
	+ Năng suất	tạ/ha			0,0		

Chỉ tiêu		Đơn vị tính	Thực hiện quý I năm 2020	Kế hoạch quý I năm 2021	Thực hiện quý I năm 2021	% so sánh với	
						Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Sản lượng	Tấn			0,0		
4.4	Cây lấy sợi						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1,0				
4.5	Thuốc lá, thuốc Lào						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	52,0	40,0	123,2	236,9	308,0
	+ Năng suất	tạ/ha	23,5	21,8	23,3	99,3	107,1
	+ Sản lượng	Tấn	122,2	87,2	287,6	235,4	329,8
5	Cây gia vị, dược liệu						
	Diện tích gieo trồng	Ha	268,2	221,0	278,8	104,0	126,2
6	Cây hàng năm khác						
	Diện tích gieo trồng	Ha	1.247,4	1.570,0	1.352,9	108,5	86,2
II	Chăn nuôi						
1	Đầu con gia súc	Con	484.883,0	419.000,0	447.761,0	92,3	106,9
	+ Số lượng trâu	con	3.982,0	4.000,0	4.000,0	100,5	100,0
	+ Số lượng bò	con	119.800,0	100.000,0	120.116,0	100,3	120,1
	+ Số lượng dê	con	143.412,0	102.000,0	123.335,0	86,0	120,9
	+ Số lượng cừu	con	126.769,0	121.000,0	107.120,0	84,5	88,5
	+ Số lượng lợn	con	90.920,0	92.000,0	93.190,0	102,5	101,3
	Đầu con gia cầm	Nghìn con		2.200,0			
	+ Số lượng gia cầm	Nghìn con	1.871,0	2.200,0	1.951,0		
1	Sản lượng thịt hơi gia súc	Tấn	6.723,9	26.500,0	7.168,5	106,6	
	'+ Trâu	Tấn	40,6		41,1	101,2	
	'+ Bò	"	1.352,0		1.571,2	116,2	
	'+ Dê Cừu	"	1.025,3		1.142,2	111,4	
	'+ Lợn	"	4.306,0		4.414,0	102,5	
2	Sản lượng thịt gia cầm	Tấn	1.520,0	6.000,0	1.515,6	99,7	
3	Sản lượng trứng gia cầm	Triệu cái	15,6	85,0	16,6	106,1	
III	LÂM NGHIỆP						
1	Trồng mới rừng phòng hộ	Ha		330,0			
2	Giao khoán BV Rừng	Ha	60.935,3	71.448,0	65.987,3	108,3	92,4
3	Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha	4.803,0	4.027,0	3.027,0	63,0	75,2
IV	DIỆM NGHIỆP						
1	Sản lượng muối khai thác	Tấn	173.920,0	350.000,0	83.750,0	48,2	23,9
2	Chia ra: - Sản xuất công nghiệp	"	110.200,0	200.000,0	47.500,0	43,1	23,8
	- Diêm dân	"	63.720,0	150.000,0	36.250,0	56,9	24,2
V	THỦY SẢN						
	Tổng diện tích nuôi	Ha	218,6	767,0	221,5	101,3	28,9
1	Nuôi nước ngọt	"	61,0	80,0	60,0	98,4	75,0
	- Diện tích nuôi cá	"	61,0	80,0	60,0	98,4	75,0
2	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	157,6	687,0	161,5	102,5	23,5
	- Diện tích nuôi cá	"	5,0	15,0	5,0	100,0	33,3
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	101,0	500,0	103,5	102,5	20,7
	+ DT nuôi tôm sú	"	0,0	20,0	0,0		
	+ DT nuôi tôm thẻ	"	101,0	480,0	103,5	102,5	21,6
	- Diện tích nuôi khác	"	51,6	172,0	53,0	102,7	30,8
	'+ Rong sụn và rong nho	"	10,0	50,0	10,0	100,0	20,0
	'+ Cua, ghẹ, ốc hương, hào...	"	41,6	122,0	43,0	103,4	35,2
	Thể tích nuôi lồng, bè	m³	77.400,0	82.000,0	87.120,0	112,6	106,2
	'+ Nuôi giáp xác	"	59.400,0	50.000,0	61.920,0	104,2	123,8
	'+ Nuôi nhuyễn thể	"		0,0	0,0		
	'+ Nuôi cá	"	18.000,0	32.000,0	25.200,0	140,0	78,8
3	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con	10.138,0	43.150,0	12.845,0	126,7	29,8
	- Tôm giống	"	10.098,0	42.800,0	12.800,0	126,8	29,9
	'+ Tôm sú	"	2.620,0	7.300,0	2.800,0	106,9	38,4
	'+ Tôm thẻ chân trắng	"	7.478,0	35.500,0	10.000,0	133,7	28,2

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện quý I năm 2020	Kế hoạch vụ hoặc năm 2021	Thực hiện quý I năm 2021	% so sánh với	
					Cùng kỳ	Kế hoạch
'+ Tôm giống khác	"					
- Nuôi thả giống (ốc hương, tu hài ...)	"	40,0	350,0	45,0	112,5	12,9
4 Tổng sản lượng nuôi	Tấn	1.269,1	8.500,0	1.357,0	106,9	16,0
- Nuôi nước ngọt	Tấn	69,0	250,0	68,5	99,3	27,4
'+ Sản lượng cá	"	69,0	250,0	68,5	99,3	27,4
- Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	1.200,1	8.250,0	1.288,5	107,4	15,6
'+ Sản lượng cá nuôi	"	29,1	500,0	44,5	152,9	8,9
'+ Sản lượng tôm nuôi	"	645,0	4.500,0	700,0	108,5	15,6
Sản lượng tôm sú	"	0,0	50,0	0,0		0,0
Sản lượng tôm thẻ	"	645,0	4.450,0	700,0	108,5	15,7
+ Tôm hùm	"	12,0	80,0	14,0	116,7	17,5
'+ Sản lượng thủy sản khác	"	514,0	3.170,0	530,0	103,1	16,7
5 Tổng sản lượng khai thác	Tấn	20.139,7	119.550,0	21.152,6	105,0	17,7
- Khai thác biển	Tấn	20.130,8	119.500,0	21.143,7	105,0	17,7
+ Sản lượng cá	Tấn	19.151,0	114.500,0	20.156,7	105,3	17,6
+ Sản lượng giáp xác (tôm)	Tấn	174,4	630,0	175,4	100,5	27,8
+ Sản lượng nhuyễn thể	Tấn	457,8	2.070,0	458,1	100,1	22,1
+ Sản lượng hải sản khác	"	347,6	2.300,0	353,6	101,7	15,4
- Khai thác nội địa	Tấn	8,8	50,0	8,9	101,1	17,8



CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUÝ I NĂM 2021
(Theo Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 và điều chỉnh tại Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 23/02/2021 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Thời gian trình	Tên văn bản	Kết quả
I	Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá			
1	Đề án Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 (bao gồm Chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ phát triển)	Quý I/2021	Đề án; Nghị quyết; Quyết định	Đã trình UBND tỉnh văn bản số và đã tham mưu Kế hoạch của Tỉnh ủy đánh giá kết quả phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016 - 2020
2	Đề án xây dựng Ninh Thuận thành Trung tâm tôm giống chất lượng cao của cả nước	Quý II/2021	Đề án; Nghị quyết; Quyết định	Đã tổ chức lấy ý kiến chuyên gia tại hội thảo ngày 11/3/2021 và đang lấy ý kiến các huyện, thành ủy và các ngành địa phương có liên quan
3	Đề án xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030	Quý II/2021	Đề án; Nghị quyết; Quyết định	Đã hoàn thiện dự thảo và tham mưu Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 24/5/2011
4	Đề án phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn, hiệu quả có giá trị kinh tế cao đến năm 2030	Quý IV/2021	Đề án; Nghị quyết; Quyết định	Đang xây dựng dự thảo, sẽ tổ chức Hội nghị Tư vấn phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận để lấy ý kiến chuyên gia trong tháng 3/2021
II	Nhiệm vụ triển khai chương trình hành động của Tỉnh ủy			
1	Quyết định giao chỉ tiêu duy trì và xây dựng mới các liên kết cánh đồng lớn 2021	Quý I/2021	Quyết định	Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 25/12/2020
2	Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy năm 2021	Quý I/2021	Kế hoạch	Đang lấy ý kiến các ngành, địa phương và hoàn thiện trình trong tháng 3/2021
3	Kế hoạch Chương trình phòng chống bệnh lở mồm long móng giai đoạn 2021 – 2025	Quý I/2021	Kế hoạch	Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 20/01/2021
4	Tham mưu hồ sơ đề nghị công nhận huyện Ninh Hải đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020	Quý I/2021	Quyết định	Đã hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng thẩm định trung ương
5	Kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2021	Quý I/2021	Kế hoạch	Đang lấy ý kiến các ngành, địa phương và hoàn thiện trình trong tháng 3/2021
6	Kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình OCOP năm 2021 (phần đầu có 1 - 2 sản phẩm đạt 5 sao OCOP quốc gia và 2 có thêm 3 0 5 sản phẩm tiềm năng 5 sao)	Quý I/2021	Công văn	Đang lấy ý kiến các ngành, địa phương và hoàn thiện trình trong tháng 3/2021

7	<p>Triển khai rà soát quy hoạch 03 loại rừng và Quy hoạch điều chỉnh quy hoạch thủy lợi tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 thích ứng BĐKH để đề xuất tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo NQ số 131/NQ - CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ</p>	Quý I/2021	Công văn	<p>Đã phối hợp với đơn vị tư vấn lập quy hoạch cung cấp hồ sơ và đề xuất các nội dung quy hoạch có liên quan đến ngành (Đã có buổi làm việc cuối cùng với đơn vị tư vấn vào ngày 11/3/3021)</p>
8	<p>Kế hoạch giám nhẹ rủi ro thiên tai lấy trẻ em làm trung tâm năm 2021</p>	Quý I/2021	Kế hoạch	<p>Đã hoàn thành dự thảo Kế hoạch, đang trình cấp có thẩm quyền</p>